TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 30, 18/07 - 22/07/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Lạc quan trở lại"

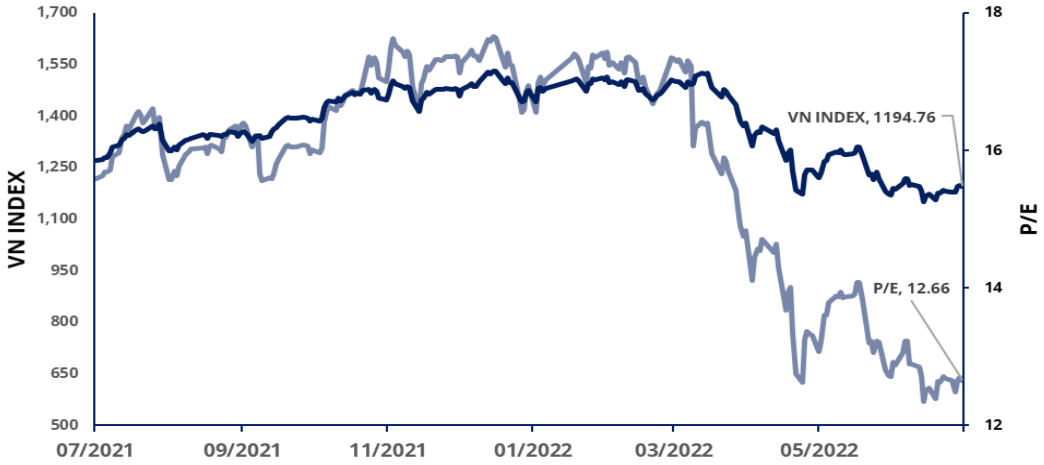
Các chỉ số chứng khoán trên thế giới có sự cải thiện vào cuối tuần trước khi các nhà đầu tư dần chấp nhận các dấu hiệu về suy thoái kinh tế và áp lực lạm phát giảm dần. Chỉ số S&P 500 giảm 0.93% xuống 3,961.63 điểm vào cuối tuần, trong khi chỉ số Nasdaq Composite giảm 1.87% xuống 11,834.11 điểm. Bất chấp hàng loạt dữ liệu kinh tế đáng lo ngại được công bố và quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên sau hơn mười năm của ECB, các chỉ số ở thị trường châu Âu vẫn tăng do niềm tin của nhà đầu tư vẫn ở mức cao. Chỉ số Châu Âu STOXX Europe 600 Index kết thúc tuần tăng 2.88% tính theo đồng nội tệ. Tại thị trường châu Á, thị trường chứng khoán Nhật Bản đã tăng điểm, với chỉ số Nikkei 225 tăng 4.2% trong khi chỉ số chứng khoán ở Thượng Hải tăng 1.3%.

Kết thúc tuần vừa qua, chỉ số VN-Index tiến sát mức 1,200 điểm khi đóng cửa ở mức 1,194.76 điểm, tăng 15.51 điểm tương ứng với +1.32%. Chỉ số HNX-Index tăng 4.43 điểm, đóng cửa ở mức 288.83 điểm, chỉ số UPCoM tăng 1.52 điểm lên 88.84 điểm.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index có 1 tuần khởi sắc và tiếp tục đà tăng, hướng về vùng kháng cự quan trọng 1200. Tuy nhiên, tổng thanh khoản tuần qua vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể, duy trì xấp xỉ tuần trước, và vẫn thấp hơn trung bình 20 tuần. VN-Index hình thành mẫu hình High Wave Candle cho thấy tâm lý giằng co của nhà đầu tư trong tuần qua vẫn còn. Chỉ báo Stochastic Oscillator tiến sâu vào cùng quá bán. Nếu tín hiệu mua xuất hiện tại đây thì tình hình thị trường được cải thiện trong tuần tới.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,195	1.6	2.2	-13.4	-18.9		12.7	2.0	203
Upcom Index	89	1.6	3.7	-14.7	-19.0		14.2	1.6	51
HNX Index	289	1.5	7.2	-19.6	-30.9		17.1	1.7	13
VN30 Index	1,229	1.2	0.1	-14.9	-18.2		10.6	2.1	140
S&P 500 Index	3,962	3.4	5.4	-7.3	-9.9		19.9	4.0	34,843
STOXX Europe 600 Index	426	1.9	4.9	-6.1	-10.3		15.5	1.8	12,047
Hang Seng	20,609	-1.1	-1.9	-0.1	-17.4		7.6	0.8	2,820
Nikkei 225	27,915	4.2	6.8	3.0	1.4		19.7	1.7	3,480
SHCOMP Index	3,270	-0.2	0.1	5.9	-7.2		13.3	1.5	6,654
STI Index	3,181	1.9	2.8	-5.3	-3.4		13.5	1.1	352
KOSPI Index	2,393	0.8	2.1	-11.5	-15.6		10.1	0.9	1,386

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Cùng với sự khởi sắc của thị trường, thanh khoản trong tuần qua đã bật tăng trở lại. Cụ thể, thanh khoản trung bình đạt 10,630 tỷ, tăng 4.4% so với tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa đều có sự khởi sắc cả về giá trị giao dịch và giá trị vốn hóa. Giá trị vốn hóa của ba nhóm đều ghi nhận mức tăng trưởng dương khi đều tăng trên 1%. Ngoài ra, giá trị giao dịch của nhóm Large Cap đã tăng trở lại, cùng với đó nhóm Small Cap thu hút được dòng tiền mạnh mẽ khi tăng đến 18.8%.

Xét theo nhóm ngành, giá trị vốn hóa đều ghi nhận tăng ở các ngành đặc biệt là nhóm ngành Tiện ích khi tăng đến 6.4%. Trong khi đó, nhóm ngành nguyên vật liệu và tài chính là hai nhóm duy nhất có sự sụt giảm, với hai mức lần lượt là 1.1% và 0.8%. Tuần vừa qua, thanh khoản của các nhóm ngành đều tăng mạnh với nhóm Công nghệ thông tin ghi nhận mức tăng đến hơn 65% sau khi giảm 25% vào tuần trước đó. Trái lại, nhóm ngành Ngân hàng ghi nhận sự sụt giảm về thanh khoản tuần thứ hai liên tiếp khi giảm gần 4%.

Theo giá trị vốn hóa

	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	1.3	0.3	-17.6	3.4	2.6	-18.8	67.4	-0.6	12.7	2.1	4,086,410
Mid Cap	1.5	3.4	-22.8	5.6	14.0	-15.7	30.5	0.4	12.5	1.3	584,770
Small Cap	1.4	2.5	-33.6	18.8	29.0	-19.5	2.1	0.3	14.1	0.8	72,078

Theo ngành

	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD						
Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Tiện ích Cộng đồng	6.4	-5.9	14.2	19.9	-16.3	-33.1	3.1	0.4	15.7	2.3	336,245
Dầu khí	4.4	2.1	-23.8	12.9	8.6	-46.5	1.0	0.1	25.5	2.2	61,702
Công nghiệp	4.1	4.2	-17.3	6.3	13.1	-23.8	11.9	0.2	14.7	1.3	255,009
Dược và Y tế	4.0	5.7	-12.5	37.3	52.0	3.8	0.4	0.1	15.6	2.1	34,097
Dịch vụ Tiêu dùng	3.4	-4.9	-9.0	50.7	16.4	-9.6	5.6	1.7	n.a	4.4	242,515
Hàng Tiêu dùng	3.4	1.8	-12.9	14.3	13.7	-1.5	14.3	1.2	16.5	2.7	614,309
Công nghệ Thông tin	3.0	0.4	3.2	65.4	26.8	-31.4	1.6	0.6	19.1	3.2	108,014
Ngân hàng	0.8	3.6	-17.1	-3.9	-1.7	-15.7	15.8	-1.4	9.7	1.7	1,490,112
Tài chính	-0.8	-0.5	-27.3	-2.9	4.7	-13.1	32.1	-2.4	17.3	1.9	1,233,144
Nguyên vật liệu	-1.1	-0.8	-30.6	0.4	7.2	-31.2	14.0	-0.6	5.7	1.4	368,577

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, ảnh hưởng của đồng yen suy yếu thời gian qua giúp thị trường Nhật Bản tiếp tục thu hút dòng tiền dồi dào với 3,435 triệu đô la. Trong khi đó, Đài Loan và Philippines là hai quốc gia bị rút ròng lần lượt 104 và 12 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, các nhà đầu tư tiếp tục mua ròng 28 triệu USD nhờ vào sự ổn định về tỷ giá của đồng VND.

Thông qua kênh ETF, quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF bán ròng 6.46 triệu USD, trái lại quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF mua ròng mạnh mẽ 6.86 triệu USD. Trong khi đó, các quỹ ETF trong nước bán ròng trong tuần qua. Cụ thể, quỹ DCVFVN30 ETF Fund đã bán 0.71 triệu USD.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,790**	**-1.84**	**5.78**	**96.5**	**97.9**
Nước ngoài	**1,691**	**-1.13**	**4.59**	**82.8**	**164.0**
VanEck Vectors Vietnam ETF	365	-6.46	-12.92	-20.8	-16.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	553	6.85	17.77	161.7	434.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	350	0.00	0.00	-35.1	-42.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	261	0.00	1.25	-4.0	-108.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	125	-1.51	-1.51	-18.5	-107.4
Premia MSCI Vietnam ETF	22	0.00	0.00	-0.5	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,099**	**-0.71**	**1.18**	**13.7**	**-66.1**
DCVFMVN Diamond ETF	602	0.00	0.00	0.0	-113.4
DCVFMVN30 ETF Fund	325	-0.71	-3.46	1.9	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	123	0.00	4.64	8.9	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	2.9	37.6
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	1,271	163	163	-28,394
Indonesia	3	-280	-280	3,989
Nhật Bản	3,435	3,675	3,675	4,248
Maylaysia	22	-14	-14	1,447
Philippines	-14	-90	-90	-865
Hàn Quốc	733	818	818	-15,268
Sri Lanka	1	1	1	-7
Đài Loan	-104	-1,042	-1,042	-35,112
Thái Lan	24	9	9	3,451
Việt Nam	28	-51	-51	-83

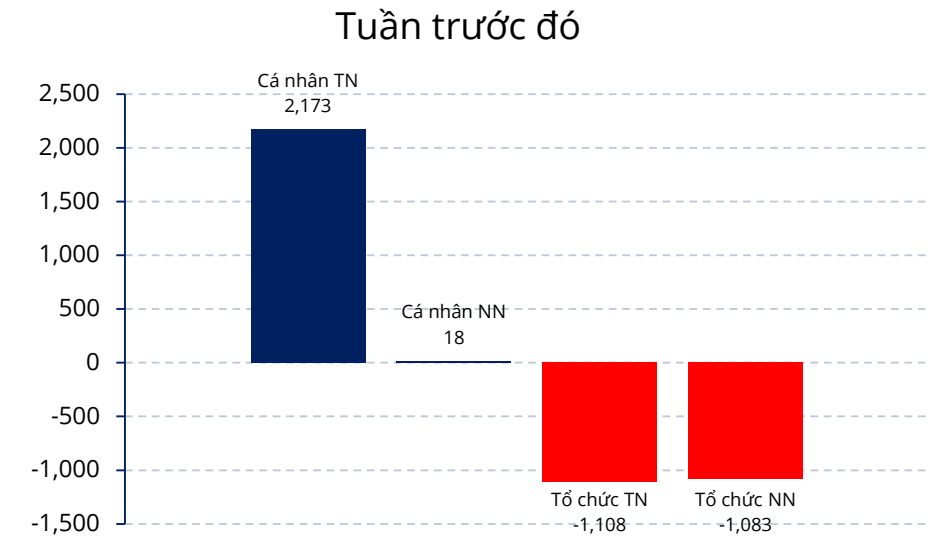
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

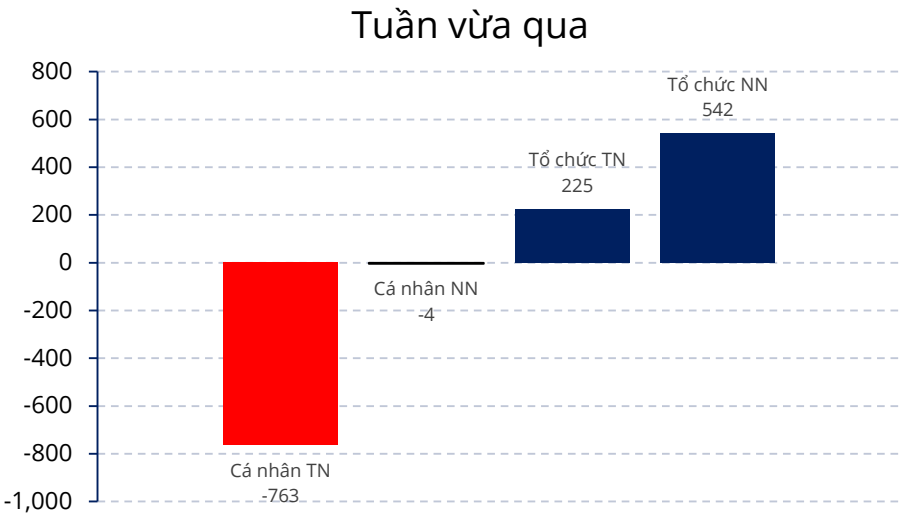
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, hầu hết chiều mua bán đã đảo ngược so với tuần trước. Các nhà đầu tư cá nhân trong nước quay đầu bán ròng 763 tỷ đồng, trong khi tổ chức mua ròng 225 tỷ đồng, Tương tự, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng tổng cộng 538 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	CTF	Ô tô và phụ tùng	16.80 - 29.00	22.4	-19.42%
2	HTL	Ô tô và phụ tùng	16.10 - 27.00	17.3	-17.22%
3	BAF	Thực phẩm và đồ uống	11.91 - 38.70	34.4	-9.72%
4	DPM	Hóa chất	21.80 - 77.00	46.0	-9.45%
5	FDC	Sản xuất nông nghiệp	10.40 - 41.35	24.0	-9.43%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
16.92%	23.5	9.40 - 23.50	Công nghệ Thông tin	ST8
15.88%	28.9	21.83 - 28.85	Y tế	OPC
15.61%	11.9	6.76 - 41.50	Bất động sản	VRC
15.02%	58.2	29.15 - 68.20	Xây dựng và Vật liệu	VGC
14.55%	11.9	23.60 - 67.30	Hóa chất	TNC

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	BST	Truyền thông	13.10 - 23.00	15.2	-17.84%
2	VE1	Xây dựng và Vật liệu	3.60 - 9.70	3.7	-11.90%
3	DVM	#N/A	17.50 - 23.40	17.9	-10.50%
4	SD2	Xây dựng và Vật liệu	6.00 - 16.60	6.1	-10.29%
5	SGD	Truyền thông	9.00 - 23.40	21.1	-7.86%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.46%	28.0	12.70 - 28.00	Xây dựng và Vật liệu	SIC
23.91%	17.1	3.80 - 41.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CMS
21.50%	13.0	8.30 - 48.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PBP
21.21%	4.0	2.70 - 10.60	Tài nguyên Cơ bản	KSQ
20.66%	36.8	16.90 - 36.80	Xây dựng và Vật liệu	SJE

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	NQN	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.50 - 21.70	13.5	-37.79%
2	ACS	Xây dựng và Vật liệu	8.50 - 19.50	8.5	-37.04%
3	LGM	Hàng cá nhân & Gia dụng	5.80 - 28.50	12.0	-25.93%
4	ICN	Xây dựng và Vật liệu	41.83 - 87.20	68.0	-22.02%
5	TSJ	Du lịch và Giải trí	15.70 - 35.80	23.9	-20.33%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
68.87%	17.9	8.10 - 17.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HGW
45.00%	8.7	3.90 - 9.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TGP
41.79%	9.5	6.70 - 21.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SPA
30.65%	8.1	6.00 - 12.10	Thực phẩm và đồ uống	SPD
30.39%	13.3	9.60 - 19.90	Tài nguyên Cơ bản	PIS

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	SVC	SAVICO	Thực phẩm và đồ uống	115	1,173.6	101.6	63.50 - 148.80	6.9
2	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	483	337.4	44.8	40.60 - 59.30	5.4
3	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	1,136	287.7	86.4	71.80 - 100.00	-1.4
4	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	1,093	225.7	25.8	16.75 - 39.20	0.4
5	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	212	207.6	72.3	63.90 - 85.00	3.3
6	OPC	Dược phẩm OPC	Y tế	2,125	205.1	28.9	21.83 - 28.85	18.2
7	CVT	CMC JSC	Xây dựng và Vật liệu	60	197.5	39.1	36.20 - 52.80	-5.6
8	STK	Sợi Thế Kỷ	Hàng cá nhân & Gia dụng	539	191.9	50.4	39.80 - 70.60	0.6
9	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13	188.9	24.5	23.35 - 33.80	-1.8
10	PSH	TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	Bán lẻ	10,534	185.1	11.0	10.50 - 30.30	-2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	106.73	-1.23	2.43	5.44	11.56	
VND/USD	23,407	0.03	0.72	1.91	2.55	
KRW/USD	1,312.90	-1.00	1.18	5.96	10.43	
JPY/USD	136.12	-1.77	-0.10	5.93	18.28	
EUR/USD	0.98	-1.22	3.49	5.77	11.36	
SGD/USD	1.39	-0.86	0.10	1.24	2.90	
CNY/USD	6.75	-0.08	0.73	3.85	6.22	

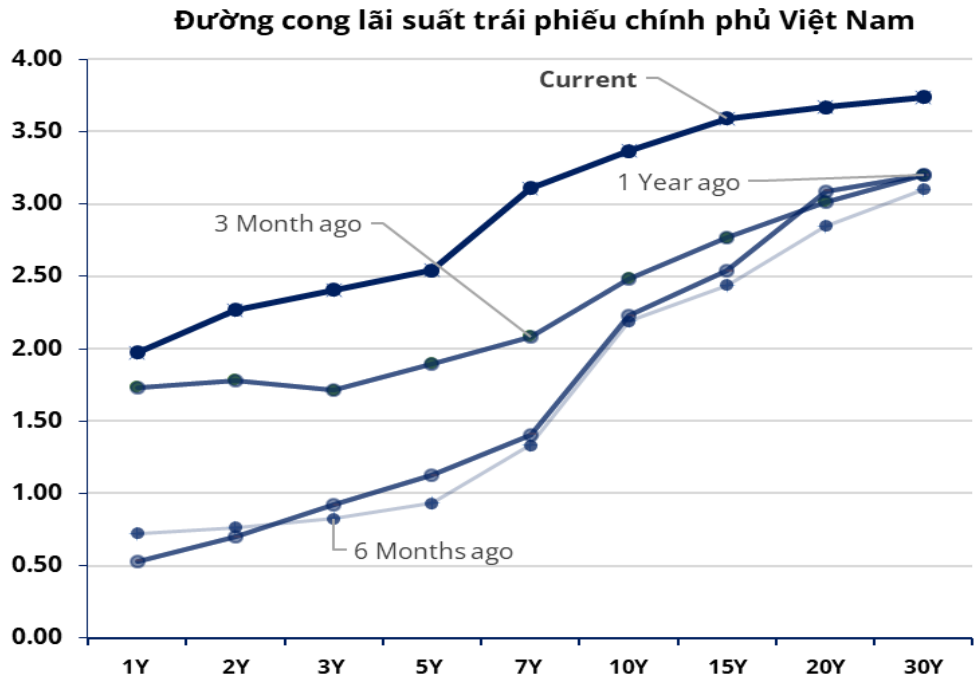
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	94.70	-2.96	-10.82	-7.22	25.91	
Xăng	322.28	0.30	-15.94	-2.49	44.62	
Gas	8.30	18.29	21.01	27.01	122.49	
Than	409.20	0.65	4.39	25.10	141.27	
Vàng	1,727.64	1.14	-5.99	-10.56	-5.55	
Bạc	18.60	-0.60	-13.16	-22.96	-20.20	
Platinum	876.84	3.00	-5.76	-5.86	-9.49	
Quặng sắt	105.39	1.05	-17.61	-31.62	-6.32	
Thép cán	3,985.00	-7.82	-8.52	-23.89	-16.09	
Lúa mì	759.00	-2.29	-22.27	-28.77	-1.52	
Ngô	564.25	-6.62	-26.53	-28.85	-4.89	
Gỗ	585.30	-14.18	-4.30	-41.62	-49.01	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.